TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH** Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT Ngày 14-4-2023 *V/v Ly hôn và chia tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thanh Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Bạch Thị Hồng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn và chia tài sản. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ - ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hbị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 14/2/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện T, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh H; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh H ngày 21/4/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có lúc va chạm nhưng cơ bản là hòa thuận. Từ năm 2016 đến 2018, bố mẹ anh C ở quê Nam Định đã già yếu, nhà cửa xuống cấp, anh C và các em anh C bàn nhau góp tiền làm cho bố mẹ gian nhà. Khi anh C bàn bạc với chị H thì chị H bảo "Không có". Lúc đó anh C đã thế chấp sổ lương vay Ngân hàng NN & PT

Nông thôn VN chi nhánh huyện Tân Lạc 200.000.000đ để góp tiền xây nhà cho bố mẹ. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018, bố anh C ốm nặng rồi mất, anh C bảo chị H về quê chung sống để chăm lo cho mẹ nhưng chị H không đồng ý, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 28/11/1993 và Phạm Ngọc A, sinh ngày 05/12/2000. Các con đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 thửa đất, cụ thể: thửa 134, diện tích 800,9m^2 Tờ bản đồ 62 đã được UBND huyện Tân Lạc cấp Giấy CNQSD đất năm 2010 mang tên Ông Phạm Văn C và bà Trần Thị H; 01 thửa đất diện tích 140 m^2 được UBND huyện Tân Lạc cấp Giấy CNQSD đất năm 2004 mang tên bà Trần Thị H. Hai thửa đất giáp nhau tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh H. Trên thửa đất cấp năm 2004 có 01 nhà cấp 4, ngoài ra còn có các vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Anh C đề nghị được chia các tài sản chung đã nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên chị không đến UBND xã Mỹ Hoà, huyện Tân Lạc và không được ký vào Sổ đăng ký kết hôn mà chỉ được ký vào Giấy chứng nhận kết hôn nên kết hôn không đúng quy định của pháp luật vì. Sau khi kết hôn vợ chồng sống trên nhà đất của anh C đã mua từ trước, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sinh được hai con, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh C không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Đề nghị Toà án xem xét huỷ kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 28/11/1993 và Phạm Ngọc A, sinh ngày 05/12/2000. Do các con đã lớn nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 thửa 134, tờ bản đồ số 62; diện tích 800,9m^2 đã được UBND huyện Tân Lạc cấp Giấy CNQSD đất năm 2010 mang tên ông Phạm Văn C và bà Trần Thị H tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh H có trong thời kỳ hôn nhân.

- 01 thửa đất mang tên bà Trần Thị H được UBND huyện Tân Lạc cấp Giấy CNQSD đất năm 2004 diện tích 140 m^2 tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh H. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Nguồn gốc thửa đất này là do năm 2004 chị bán mảnh đất do bố mẹ đẻ cho năm 2000 là 70 triệu đồng và được mẹ đẻ là bà Đặng Thị N cho thêm 35 triệu. Tất cả 105 triệu trên chị dùng để mua mảnh đất trên.

- 01 thửa đất tại xóm Tân An, xã Quy Hậu, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình, được UBND huyện Tân Lạc cấp năm 2001 mang tên ông Phạm Văn C.

Năm 2016 chị có đưa cho anh C 200 triệu vay Ngân hàng Nông nghiệp huyện Tân Lạc (thế chấp bằng sổ lương của anh C) để đem về quê xây nhà cho bố mẹ anh C.

Chị H đề nghị tài sản chung của vợ chồng chia theo pháp luật.

Công nợ chung: Không có.

Tại bản án số 17/2022/HNGĐ - ST ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hđã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn C được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Có 02 con đã trưởng thành, không đề cập.

3. Về tài sản chung:

Chia cho chị Trần Thị H được sử dụng 479,6m^2 đất theo GCNQSDĐ số O595777, số vào sổ 000897 do UBND huyện Tân Lạc cấp ngày 06/8/2004 mang tên bà Trần Thị H và GCNQSDĐ số BA 529994, số vào sổ CH00002 do UBND huyện Tân Lạc cấp ngày 28/01/2010 tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 62 mang tên anh Phạm Văn C và chị Trần Thị H tại xóm Tân Phương, xã Quy Hậu, nay là Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh H. Trong đó có 100m^2 đất ở và 379,6m^2 đất vườn. Tứ cận được xác định như sau: Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6A rộng 4,01m; phía Nam giáp đất ông Ngô Văn Huyền rộng 97,2m; phía Đông giáp đất chia cho anh Phạm Văn C dài 100,06m; phía Tây giáp đất nhà ông Ngô Văn Huyền rộng 7,09m. Trên đất có nhà xây mái bằng cấp 4 và các vật dụng sinh hoạt gia đình, hiên nhà và 01 cửa sắt xếp cùng bể nước và các loại cây màu trên đất. Tổng trị giá: 2.166.786.600đ.

Chia cho anh Phạm Văn C được sử dụng 481,2m^2 đất theo GCNQSDĐ số BA 529994, vào sổ CH00002 do UBND huyện Tân Lạc cấp ngày 28/01/2010 tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 62 mang tên anh Phạm Văn C và chị Trần Thị H tại xóm Tân Phương, xã Quy Hậu, nay là Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh H. Trong đó có 100m^2 đất ở và 381,2m^2 đất vườn. Tứ cận được xác định như sau: Phía Bắc giáp đường quốc lộ 6A rộng 4,03m; phía Nam giáp đất chia chia cho chị Trần Thị H dài 100,6m; phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Hạnh dài 102,17m; phía Tây giáp đất nhà ông Ngô Văn Huyền rộng 6,10m. Tổng giá trị 2.115.000.600đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 07/10/2022, chị Trần Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xác định anh C và chị H kết hôn năm 1993, quá trình chung sống mâu thuẫn nên từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, cấp sơ thẩm cho anh C ly hôn chị H là có căn cứ.

Về tài sản chung: Anh C và chị H có 02 thửa đất và ngôi nhà cấp 4 cùng đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Số tài sản này đã được cấp sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung. Ngoài ra còn 01 thửa đất anh C mua năm 1990, đến năm 2001 cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hộ anh Phạm Văn C. Phía anh C cho rằng đây là tài sản riêng, phía chị H cho rằng anh C đã nhập vào tài sản chung nên đề nghị giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chị H không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh anh C đã nhập vào vào tài sản chung nên không có căn cứ để giải quyết, khi nào có đủ căn cứ và khởi kiện thì giải quyết bằng vụ án khác. Như vậy là chưa giải quyết đầy đủ và toàn diện vụ án. Khi chia tài sản không đưa 02 con của anh C chị H vào để xem xét có công sức đóng góp của 02 con là chưa đảm bảo quyền lợi của 02 con. Những thiếu sót này không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm nên đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án huyện Tân Lạc giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, tòan diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hxét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2022 bị đơn chị Trần Thị H có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét kháng cáo của chị H về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Văn C và chị Trần Thị H kết hôn năm 1993 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có sự chứng kiến của hai bên gia đình và đã được UBND xã Mỹ Hoà cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau

kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, sau đó do có nhiều mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh C xác định tình cảm không còn nên xin được ly hôn chị H. Phía bị đơn chị H cho rằng chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có tìm hiểu và có tổ chức cưới theo phong tục, tuy nhiên chị không được ký vào sổ đăng ký kết hôn mà chỉ ký vào Giấy chứng nhận kết hôn. Xét thấy: Anh C và chị H kết hôn năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, chị H tự nguyện ký vào giấy chứng nhận kết hôn. Tuy giấy chứng nhận kết hôn có sai về năm sinh của chị H, theo giấy đăng ký kết hôn thì tại thời điểm đăng ký chị H 14 tuổi, nhưng thực tế chị H sinh năm 1974, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H đã 19 tuổi, đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại phiên toà chị H thừa nhận chị tự nguyện ký vào giấy đăng ký kết hôn.

Như vậy có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa anh C và chị H là tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống sau này phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2018 đến nay vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Toà cấp sơ thẩm xử cho anh C được ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Không có cơ sở chấp kháng cáo của chị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của chị H về chia tài sản chung:

Anh C cho rằng tài sản chung vợ chồng phát triển được trong thời kỳ hôn nhân gồm 01 ngôi nhà cấp 4 cùng các đồ dùng sinh hoạt gia đình và 02 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận tại xóm Tân Phương, xã Quy Hậu (nay là khu Thanh Bình, thị trấn Mãn Đức), cụ thể:

- Thửa đất có diện tích 140m^2 tại xóm Tân Phương, xã Quy Hậu (nay là khu Thanh Bình, thị trấn Mãn Đức) mang tên bà Trần Thị H, giấy CNQSDĐ số O598777 do UBND huyện T, tỉnh Hcấp ngày 06/8/2004. Trên đất có xây nhà cấp 4 và các vật dụng sinh hoạt gia đình.

- Thửa đất 134, tờ bản đồ số 62, diện tíc 800,9m^2 tại xóm Tân Phương, xã Quy Hậu (nay là khu Thanh Bình, thị trấn Mãn Đức) mang tên ông Phạm Văn C và bà Trần Thị H, GCNQSDĐ số BA 529994 do UBND huyện T, tỉnh Hcấp ngày 28/01/2010. Trên đất có nhà tạm khung sắt. Khi ly hôn anh C đề nghị chia theo pháp luật.

Chị H cho rằng tài sản chung của vợ chồng ngoài những tài sản anh C kê khai thì vợ chồng còn 01 thửa đất số 17, tờ bản đồ 61, diện tích 991,6m^2 tại khu An Phương, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 658865 được UBND huyện Tân Lạc cấp ngày 24/5/2011 mang tên ông Phạm Văn C). Đề nghị xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 01 ngôi nhà cấp 4 cùng các đồ dùng sinh hoạt gia đình và 02 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận

tại xóm Tân Phương, xã Quy Hậu (nay là khu Thanh Bình, thị trấn Mãn Đức là tài sản chung của vợ chồng, cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thẩm định và định giá tài sản là nhà cấp 4 và 02 thửa đất, chia cho anh C và chị H mỗi người sử dụng một phần đất và tài sản trên đất là có căn cứ. Đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ 61, diện tích 991,6m^2 tại khu An Phương, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, cấp sơ thẩm xác định là tài sản anh C có trước khi kết hôn, việc chị H cho rằng là tài sản chung của vợ chồng nhưng không có chứng cứ để chứng minh nên sẽ giải quyết ở vụ kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn khi chị H yêu cầu. và nộp tạm ứng án phí theo quy định, Tòa sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Nhận thấy: Anh C và chị H đều xác nhận nguồn gốc thửa đất này anh C có trước khi kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng sống trên nhà đất này. Năm 2010 khi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh C ghi họ tên chủ hộ là Phạm Văn C và ghi tên vợ là Trần Thị H. Đến ngày 5/6/2001, UBND huyện Tân Lạc đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ anh Phạm Văn C, diện tích 2.235m^2, trong đó có 400m^2 đất ở và 1835m^2 đất vườn. Sau khi được cấp đất anh C và chị H đã nhiều lần chuyển nhượng một phần đất, anh C đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với thực tế sử dụng. Ngày 24/5/2011, UBND huyện Tân Lạc cấp lại cho anh C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 658865 mang tên anhPhạm Văn C. Tiếp sau đó anh C lại tiếp tục chuyển nhượng một phần trong diện tích đất này nên ngày 04/9/2018, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình đã cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN816796 diện tích 447m^2 mang tên anh Phạm Văn C. Như vậy thửa đất này có nguồn gốc là tài sản anh C có trước khi kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng về sống trên thửa đất này, năm 2011, khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh C đã kê khai cả tên chị H, khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất chị H cũng ký vào các hợp đồng chuyển nhượng, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh C. Tuy nhiên khi giải quyết ly hôn phía chị H cho rằng thửa đất này là tài sản chung và yêu cầu chia nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là tài sản chung hay tài sản riêng và giải quyết cùng trong vụ án mà tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện khác là chưa giải quyết đầy đủ, toàn diện vụ án. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần tài sản của chị H cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Đối với nội dung kháng cáo của chị Trần Thị H cho rằng cấp không đưa cháu Phạm Hoàng A, sinh năm 1993 và Phạm Ngọc A, sinh năm 2000 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của các con để chia đất cho con vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm hình thành tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất (năm 2004 và năm 2010) hai con của chị H và anh C còn nhỏ, đang đi học, sống phụ thuộc vào bố mẹ nên việc phát triển khối tài sản chung không có công sức đóng góp của 02 con. Cấp sơ không xem xét chia tài sản chung của anh C và chị H cho 02 con là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm chị H còn yêu cầu xem xét công sức của 02 con trong việc góp tiền và trực tiếp

bắn mái tôn khi sửa nhà và xem xét khoản tiền 220.000.000đ là tiền tiết kiệm của gia đình chị đã đưa cho anh C mang về xây nhà ở Nam Định. Hội đồng xét thấy: Khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị H chưa yêu cầu, tại cấp phúc thẩm chị H mới đề nghị nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đây là những tình tiết mới phát sinh tại cấp sơ thẩm mà không thể xem xét được tại cấp phúc thẩm.

Từ những phân tích nêu trên, để giải quyết vụ án một cách toàn diện, triệt để, Hội đồng phúc thẩm cần hủy phần tài sản của bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

1. Hủy phần tài sản của bản án sơ thẩm 17/2022/HNGĐ - ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Giữ nguyên phần hôn nhân và con chung của bản án sơ thẩm 17/2022/HNGĐ - ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Văn C được ly hôn với chị Trần Thị H.

- Về con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành, không đề cập.

3. Về án phí:

- Anh Phạm Văn C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại theo biên lai số 0003072 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Chị Trần Thị H không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003027 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Án phí dân sự sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (14/4/2023)./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện Tân Lạc;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã Mỹ Hòa

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

Trần Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bạch Thị Hồng Hoa **Nguyễn Quang Tuấn** **Trần Thanh Hải**